TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐĂK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/DSPT
Ngày 30-10-2018
"V/v Mở lối đi qua bất động sản liền kề, Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các thẩm phán: ông K'Tiêng và bà Bùi Thị Ngọc.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Đoàn Thuỳ An – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cần – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 2 năm 2018 về việc "*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, mở lối đi qua bất động sản liền kề*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk G'Long, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 80/2018/QĐ-PT ngày 06/6/2018; Quyêt định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 04/2018/QĐ-PT ngày 06/7/2018; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số: 175/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/QĐ-PT ngày 03/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông đối với các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lù Vĩnh S và bà Chế Tài M – có mặt.

Đại diện hợp pháp của bà Chế Tài M: Ông Lù Vĩnh S (giấy ủy quyền ngày 04/10/2017; địa chỉ: thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Minh Q - luật sư văn phòng luật sư HMBP, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước; địa chỉ: số nhà 416 quốc lộ 14, phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước – có mặt.

Bị đơn: Ông Phù Say M và bà Lương Thị N; Địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ông Phù Say M và bà Lương Thị N: Luật sư Nguyễn Văn H, văn phòng luật sư Nguyễn Thiên H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Bích V; địa chỉ: số nhà 669/13 đường A, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

Người làm chứng:

Ông Lê Trọng T.

Ông Chạc Nàm G.

Cùng địa chỉ: Thôn 8, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người kháng cáo: Ông Phù Say M và Bà Lương Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2016 và ngày 24/4/2016, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M trình bày:

Ngày 27/10/2014, ông S, bà M nhận chuyển nhượng của bà Trần Bích V thửa đất số 09, diện tích 34748 m^2, thuộc tờ bản đồ 51, UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BU 385621 ngày 31/12/2014. Khi chuyển nhượng đất hai bên thỏa thuận ông S, bà M được sử dụng đồng hồ diện, máy bơm nước, ống tưới và nhà ở trên đất chuyển nhượng. Giữa bà V và ông M cũng đã lập văn bản thỏa thuận chuyển nhượng cho ông S, bà M được sử dụng đường điện vào đến đất và phải thanh toán tiền điện hàng tháng theo đơn giá nhà nước.

Khi ông S, bà M sử dụng điện, ông M yêu cầu ông S, bà M đóng thêm 6.000.000 đồng nên ông S đã giao cho ông M số tiền 6.000.000 đồng. Ngày 05/02/2016 ông M đã tháo đồng hồ điện, không cho ông S, bà M sử dụng điện từ đó đến nay. Cuối năm 2014, ông M san ủi và rải đá thành con đường đi ngang qua đất ông S, bà M từ đường liên thôn vào đất của ông M, bà N phía bên trong; con đường đó chiều rộng 03 m, chiều dài 100m. Việc ông M ủi đường, rải đá không được sự đồng ý của ông S, bà M nhưng vì tình làng nghĩa xóm ông S, bà M vẫn để ông M, bà N đi lại tưới cà phê trên diện tích đất chuyển nhượng, ông S chôn ống tưới đi qua con đường thì bị ông M chặt đứt, ông M đã bồi thường cho ông S 500.000 đồng. Tuy nhiên sau đó ông M tiếp tục nhổ ống tưới và đóng cọc sắt hai bên con đường đã ủi, không cho ông S tưới làm sầu riêng rụng trái, cà phê bị héo, thiệt hại 45.000.000 đồng. Vì vậy ông S, bà M khởi kiện yêu cầu ông M, bà N phải trả lại diện tích đất lấn chiếm làm con đường 300m^2; trả lại 6.000.000 đồng và bồi thường thiệt hại 45.000.000 đồng.

Trong đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/6/2016, ông S, bà M yêu cầu ông M, bà N phải trả số tiền 12.000.000 đồng là tiền bà V đã góp cùng ông M xây dựng chung đường diện. Ngày 17/6/2016 ông S rút yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường số tiền 45.000.000 đồng; ngày 06/02/2017 rút đơn khởi kiện đối với yêu cầu trả lại số tiền 12.000.000 đồng. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 28/8/2017 ông S, bà M khởi kiện bổ sung yêu cầu ông M, bà N trả lại diện tích đất 494,5m^2.

Đơn phản tố ngày 07/6/2016, quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:

Ông M, bà N không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông S, bà M và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về diện tích đất tranh chấp là con đường đi hiện nay ông M, bà N đang sử dụng có nguồn gốc của ông Lộc Tú K (chồng bà V) cho để làm đường đi, khi cho có giấy viết tay đề ngày 18/01/2013 không công chứng, chứng thực. Ông Lộc Tú K hiện nay đã chết nên giấy không có giá trị pháp lý. Diện tích đất làm đường đi hiện nay ông S, bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ). Diện tích đất tranh chấp là lối đi duy nhất và thuận tiện nhất vào rẫy ông M, bà N nên ông M yêu cầu được sử dụng và thanh toán lại giá trị QSDĐ cho ông S, bà M theo diện tích thẩm định đo đạc tại chỗ là 494,5m^2.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2017/DSST ngày 14/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đăk G'long đã quyết định:

Căn cứ khoản 2,6,9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 171, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 256, Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M.

1.1. Buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải nhổ bỏ 11 cọc sắt và trả lại cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 494,5m^2 đất có tứ cận kèm theo; ông S, bà M phải thanh toán cho ông M, bà N số tiền 4.200.000 đồng.

1.2. Buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 6.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Phù Say M, bà Lương Thị N về mở lối đi qua bất động sản liền kề đối với diện tích đất 494,5m^2 có tứ cận kèm theo.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 45.000.000 đồng và yêu cầu trả lại 12.000.000 đồng của ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 2.300.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 846.000 đồng theo Biên lai số 0002521 ngày 13/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Ông M, bà N còn phải nộp 596.000 đồng.

5.2. Ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M phải chịu 210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.575.000 đồng theo Biên lai số 0002483 ngày 17/5/2016 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0002507 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 1.665.000 đồng số tiền còn lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/11/2017 ông Phù Say M, bà Lương Thị N kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, cụ thể: đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố, buộc ông S, bà M phải mở lối đi qua bất động sản liền kề diện tích 494,5m^2 cho ông S, bà N; ông M, bà N không chấp nhận trả số tiền 6.000.000 đồng cho ông S, bà M.

Tại phiên toà phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn; Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo, buộc nguyên đơn dành lối đi cho bị đơn. Nguyên đơn, luật sư của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên toà phát biểu ý kiến với các nội dung:

Đơn kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là đúng pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm đều tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Sau khi xem xét và phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ.

[1.1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N: đối với kháng cáo không chấp nhận trả lại số tiền 6.000.000 đồng: Hội đồng xét xử thấy rằng, khi bà V chuyển nhượng thửa đất số 09, tờ bản đồ 51 cho ông S, bà M, ngày 28/11/2014 bà V viết giấy sang nhượng đồng hồ điện nội dung thể hiện "*Vào năm 2009 tôi và anh Phù Say M có hùn với nhau kéo đường dây điện từ đầu đường quốc lộ 28 vào đến trong rẫy. Nay tôi sang nhượng lại phần điện của tôi cho anh Lù Vĩnh S có quyền sử dụng phần điện của tôi*". Đơn có chữ ký ghi họ tên của ông Phù Say M (BL 18). Như vậy ông M xác nhận ông S được hưởng quyền đầu tư, sử dụng đường điện của bà V để lại cho ông S. Sau khi ông S sang nhượng rẫy của bà V thì ngày 22/5/2015 ông M tiếp tục buộc ông S phải nộp số tiền 6.000.000 đồng đầu tư đường điện thì mới cho sử dụng đường điện là không đúng cam kết đã ký với bà V. Nay ông M không cho ông S sử dụng đường điện thì ông M phải trả lại số tiền 6.000.000 cho ông S, bà M là đúng. Ông M, bà N kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới. Cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của ông M, bà N.

[1.2]. Đối với yêu cầu mở lối đi qua bất động sản liền kề: đầu năm 2012, ông Phù Say M và bà Lương Thị N chuyển nhượng của ông Lộc Tú K (*chồng bà Trần Thị V*) thửa đất số 62. Ngày 18/01/2012 ông K viết giấy cho ông M 03m đất chiều ngang, dài ra đường liên thôn để làm đường đi (BL79) tại thửa đất số 09, tờ bản đồ 51. Khi ông K chết, bà Trần Thị V chuyển nhượng cho ông Lù Vĩnh S và bà Chế Tài M thửa đất số 09, tờ bản đồ 51. Sau đó ông M san ủi, rải đá làm con đường đi ra đường liên thôn, ông S, bà M không phản đối gì. Quá trình sử dụng ông M có hành vi ngăn cản không cho ông S, bà M kéo ống tưới qua đường nên phát sinh tranh chấp. Toà án cấp sơ thẩm căn cứ bản đồ giải thửa năm 2016 thể hiện ông M, bà N đã nhập thửa đất số 62 và 36 thành thửa đất số 21, giữa hai thửa đất là diện đất tích sình ao và từ thửa đất số 21, tờ bản đồ 51 thể hiện con đường đi ra quốc lộ 28 nên không chấp nhận phản tố của bị đơn về quyền mở lối đi là phù hợp. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm, Luật sư của ông M, bà N cung cấp tài liệu mới: Biên bản xác minh ngày 11/5/2018 thể hiện diện tích đất ao chưa cấp GCNQSDĐ cho ai, thửa đất số 36, 62, tờ bản đồ 51 của ông Phù Say M chưa nhập thửa số 21; Biên bản xác minh ngày 04/6/2018 thể hiện 03 cái ao diện tích 6.434,5m^2 nằm giữa hai thửa đất số 36 và 62 của ông M, bà N là đất của ông Lương Vểnh S thuê ông Phù Say M múc năm 2008 (có sơ đồ kèm theo).

Theo tài liệu, chứng cứ cấp phúc thẩm thu thập, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ xác định "*Thửa đất 62, 36 tờ bản đồ 51 đo năm 2005 chưa hợp thửa*". Mặt khác, diện tích đất 03 ao hiện đang tranh chấp giữa ông Nguyễn Xuân H và Ông Lương Vểnh S. Như vậy, tờ bản đồ số 51 phê duyệt năm 2016 là chưa chính xác; tài liệu, chứng cứ mới cho thấy căn nhà và thửa đất số 62 của ông M, bà N bị vây bọc bởi các bất động sản của chủ sở hữu khác không có lối đi ra đường công cộng. Mặt khác con đường đó ông M, bà N đã san ủi, rải đá 1x2, rộng 03m, dài 164m trên thửa đất số 09, tờ bản đồ 51 của ông S, bà M. Trước đây gia đình ông S và gia đình ông M sử dụng chung nhưng do ông M có hành vi không đúng nên ông S, bà M khởi kiện. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông M, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông M, sửa án sơ thẩm; buộc ông S, bà M dành quyền đi chung cho ông M, bà N trên con đường đã mở đi từ thửa 62 ra đường liên thôn. Ông M, bà N phải thanh toán lại giá trị quyền sử dụng đất theo Biên bản định giá là 6.923.000 đồng cho ông S, bà M (BL193a). Đây là lối đi chung nên ông M, bà N không được ngăn cản ông S, bà M đi lại chăm sóc cà phê.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông M, bà N không phải chịu 300.000 đồng án phí DSPT, trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông M, bà N.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phù Say M và bà Lương Thị N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2017/DSST ngày 14/11/2017 của Toà án nhân dân huyện Đắk G'long, tỉnh Đăk Nông như sau: Căn cứ khoản 2,6,9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 171, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 256, Điều 275 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 khoản 5 Điều 27 Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M.

1.1. Buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải nhổ bỏ 11 cọc sắt ông M, bà N rào hai bên đường đi chung diện tích 494,5m^2 đất có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất ông Lù Vĩnh S dài 125m; phía Nam giáp thửa đất ông Lù Vĩnh S dài 121,47m; phía Đông giáp thửa đất hộ ông Phù Say M dài 4,75m; phía Tây giáo đường bê tông liên thôn dài 15,92m.

1.2. Buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M số tiền 6.000.000 đồng(*sáu triệu đồng*).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Phù Say M, bà Lương Thị N: buộc ông Lù Vĩnh S, bà bà Chế Tài M phải dành cho ông Phù Say M và bà Lương Thị N quyền đi chung trên con đường rộng 03m, dài 164m diện tích 494,5m^2 tọa lạc trên thửa đất số 09 tờ bản đồ 51 của ông S, bà M có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất ông Lù Vĩnh S dài 125m; phía Nam giáp thửa đất ông Lù Vĩnh S dài 121,47m; phía Đông giáp thửa đất hộ ông Phù Say M dài 4,75m; phía Tây giáo đường bê tông liên thôn dài 15,92m.

Đây là đường đi chung nên ông Phù Say M, bà Lương Thị N không được ngăn cản ông Lù Vĩnh S, bà bà Chế Tài M quyền sử dụng con đường nêu trên.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại 45.000.000 đồng và yêu cầu trả lại 12.000.000 đồng của ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M. Các đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu trên theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: buộc ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 2.300.000 đồng.

5. Về án phí:

5.1. Ông Phù Say M, bà Lương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 846.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0002521 ngày 13/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Ông M, bà N còn phải nộp 596.000 đồng.

5.2. Ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M phải chịu 210.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ số tiền tạm ứng án phí là 1.575.000 đồng theo Biên lai số 0002483 ngày 17/5/2016 và 300.000 đồng theo Biên lai số 0002507 ngày 21/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông. Hoàn trả cho ông Lù Vĩnh S, bà Chế Tài M 1.665.000 đồng số tiền còn lại.

5.3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phù Say M và bà Lương Thị N không phải nộp 300.000 đồng án phí DSPT, trả lại cho ông M, bà N tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002507 ngày 05/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- VKSND huyện Đăk G'Long;
- TAND huyện Đăk G'Long;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, THCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử